

Số: /2026/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2027 – 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ em, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2027 - 2030; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày tháng năm 2026 của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ em, học sinh tiểu học đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2027 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ, nguyên tắc huy động kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học từ lớp 1 đến lớp 3 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 2027–2030.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ mầm non đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập và học sinh từ lớp 1 đến lớp 3 đang học tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là học sinh);

b) Các cơ sở giáo dục công lập có đối tượng quy định tại điểm a khoản này;

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 2. Nội dung hỗ trợ

1. Mỗi học sinh thuộc đối tượng áp dụng được hỗ trợ 03 hộp sữa tươi mỗi tuần, dung tích 180 ml/hộp.

2. Số lượng sữa hỗ trợ được xác định theo thời gian thực học của từng năm học, tối đa không quá 115 hộp/học sinh/năm học.

3. Thời gian thực hiện chính sách từ năm học 2027–2028 đến hết năm học 2029–2030.

Điều 3. Đối tượng hỗ trợ

1. Nhóm học sinh thuộc đối tượng áp dụng được hỗ trợ 100% kinh phí mua sữa nếu thuộc một trong số các đối tượng sau:

a) Thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn và đang học tại cơ sở giáo dục công lập tại xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo;

b) Không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định;

c) Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo, cận nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ;

d) Là con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh;

e) Khuyết tật học hòa nhập;

f) Là người dân tộc thiểu số;

g) Mồ côi cha hoặc mẹ.

2. Nhóm học sinh tự nguyện tham gia là những học sinh thuộc đối tượng áp dụng nhưng không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Cơ cấu nguồn kinh phí

1. Đơn vị cung cấp sữa hỗ trợ một phần kinh phí mua sữa bằng 25% đơn giá sữa cho tất cả học sinh tham gia uống sữa.

2. Gia đình học sinh thuộc nhóm tự nguyện quy định tại khoản 2 Điều 3 đóng góp bằng 30% kinh phí mua sữa nếu học thường trú tại các xã, bằng 50% kinh phí mua sữa nếu học thường trú tại các phường.

3. Ngoài phần hỗ trợ của đơn vị cung cấp sữa và phần đóng góp của gia đình học sinh theo khoản 1, khoản 2 Điều này; ngân sách nhà nước hỗ trợ toàn bộ phần còn lại kinh phí mua sữa theo tỷ lệ như sau:

a) Đối với các phường: ngân sách tỉnh hỗ trợ 20%, ngân sách phường hỗ trợ 80%;

b) Đối với các xã khu vực III, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển: ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%, ngân sách xã hỗ trợ 30%;

c) Đối với các xã còn lại: ngân sách tỉnh hỗ trợ 40%, ngân sách xã hỗ trợ 60%.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này bảo đảm theo quy định pháp luật; báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định hỗ trợ sửa học đường cho trẻ em mẫu giáo, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2024 – 2027.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp thứ....thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện KSND, TAND, THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND xã Ea Rók và các xã biên giới đất liền;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Cổng TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH